TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN H** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16/8/2018
Về việc"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN H, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Danh Vũ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2018/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/ QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2018 giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn Út E** – sinh năm 1989 (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp Phú H, xã Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

***** *Bị đơn:* Chị **Trần Thị Hồng N** – sinh năm 1992 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp Phú H, xã Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Út E trình bày:***

Anh và chị Trần Thị Hồng N chung sống với nhau vào năm 2007, không có đăng ký kết hôn, đến ngày 21/6/2013 mới đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang, không có tổ chức đám cưới. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 1 năm mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, chị N bỏ nhà đi và quen với người đàn ông khác, anh Út E có khuyên nhiều lần nhưng chị N vẫn không thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân từ tết năm 2016 cho đến nay.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thùy L, sinh ngày 24 tháng 12 năm 2009, cháu đã có giấy khai sinh và hiện nay đang sống với chị N.

- Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có.

Tại phiên tòa anh Út E yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Út E yêu cầu được ly hôn với chị N.

- Về con chung: anh Út E để cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Trần Thị Hồng N với tư cách là bị đơn, tại phiên tòa chị N vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự " Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai bị đơn vẫn vắng mặt thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ". xét thấy chị N đã được tống đạt, thông báo hợp lệ theo Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng chị N vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị N là phù hợp với pháp luật.

[2] Xét mối quan hệ hôn nhân giữa anh Út E và chị N là hôn nhân hợp pháp, vì anh chị chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 84/2013 quyển số 01/2013 ngày 21/6/2013 theo đúng quy định của pháp luật. Phù hợp với Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010.

[3] Xét yêu cầu xin được ly hôn của anh Út E cho thấy vợ chồng anh chị chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, anh Út E cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, không ai quan tâm đến ai, chị N không chăm sóc cho gia đình, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt không thể hàn gắn lại được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị N không có ý kiến gì và vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến của chị N. Tại phiên tòa anh Út E vẫn giữ nguyên quyết định xin được ly hôn. Xét thấy anh Út E và chị N không chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay, trong thời gian anh chị sống ly thân thì không ai có ý muốn hàn gắn cuộc sống vợ chồng, xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của anh Út E.

[4] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Thùy L, sinh ngày 24 tháng 12 năm 2009, hiện nay cháu L đang sống với chị N. Tại phiên tòa anh Út E đồng ý giao cháu L cho chị N nuôi dưỡng, anh Út E không cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 " *vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*", theo nguyện vọng của cháu L là xin được sống với mẹ. Xét yêu cầu của anh Út E đồng ý giao cháu L cho chị N nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của cháu L, bởi lẽ từ khi anh Út E và chị N sống ly thân đến nay thì cháu L sống với chị N và để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý của cháu, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu giao cháu L cho chị N nuôi dưỡng, anh Út E không cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí HNST: Buộc anh Út E phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007918 ngày 05/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Út E. Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Út E và chị Trần Thị Hồng N.

2. Về quan hệ con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Út E và nguyện vọng của cháu Nguyễn Thùy L. Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 24 tháng 12 năm 2009 cho chị Trần Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn Út E không phải cấp dưỡng nuôi con.

Khi cần thiết anh chị có quyền xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

3. Về án phí HNST: Buộc anh Nguyễn Văn Út E phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007918 ngày 05/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho anh Nguyễn Văn Út E biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị Hồng N có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân H;*
- *Chi cục THADS huyện Tân H;*
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Tân Hội;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái